

Bản án số: 43/2019/DS-ST
Ngày 14 tháng 11 năm 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2019/TLST-DS ngày 12-9-2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2019/QĐST-DS ngày 30-10-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP N**; Trụ sở chính: Số 54A đường T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật có ông Q; Chức vụ: Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền có ông T, sinh năm 1987; Chức vụ: Giám đốc tổ tụng và mua bán nợ Ngân hàng TMCP N - chi nhánh N – phòng giao dịch K; Địa chỉ: Số 224 đường P, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Theo Giấy ủy quyền số 725/2019/UQ-TGDD12 ngày 04/3/2019 của Tổng Giám đốc MSB và Giấy ủy quyền số 826/2019/UQ-TGDD12 ngày 07/3/2019 của Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng Quản lý tín dụng - MSB); có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông V, sinh năm 1986; nơi ĐKKTT: Tổ 58, phường Đ, quận C, thành phố Đà Nẵng; trú tại: Đường N, thôn C, xã C, huyện V, thành phố Đà Nẵng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các Bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - Ông T trình bày:**

Ngày 20/11/2015, Ngân hàng TMCP N và ông V ký kết Hợp đồng cho vay số 20.11/2015/HĐCV - TDT với các nội dung như sau:

- + Số tiền vay : 118.000.000 đồng (Một trăm mười tám triệu đồng);
- + Mục đích vay: Sửa chữa nhà ở;
- + Thời hạn vay : 60 tháng từ ngày 20/11/2015 đến ngày 20/11/2020;
- + Lãi suất vay : 17%/ năm và được điều chỉnh theo Thông báo của Ngân hàng;
- + Tổng nợ gốc và lãi trả đều (cố định) hàng tháng, tính trên dư nợ thực tế. Số kỳ trả nợ là 60 kỳ. Ngày trả nợ đầu tiên là 20/12/2015. Các kỳ tiếp theo trả 01 tháng/ lần vào ngày 20 hàng tháng. Số tiền phải trả mỗi kỳ là 2.932.604 đồng. Kỳ cuối trả toàn bộ nợ gốc và lãi còn lại.

Ngày 23/11/2015, Ngân hàng TMCP N đã giải ngân cho khách hàng theo Khế ước nhận nợ số 20.11/2015/CVCN ngày 20/11/2015 với số tiền 118.000.000 đồng, đúng với nội dung hợp đồng cho vay đã ký kết.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông V đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ nhưng ông V vẫn không hợp tác, hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện việc trả nợ và đến nay khoản vay của ông V tại Ngân hàng vẫn chưa được thanh toán.

Tính đến ngày 14/11/2019, ông V còn nợ Ngân hàng TMCP N số tiền là 103.347.624 đồng (bằng chữ: Một trăm lẻ ba triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 77.674.425 đồng, nợ lãi là 22.969.344 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.703.855 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông V phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP N số tiền là 103.347.624 đồng (bằng chữ: Một trăm lẻ ba triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 77.674.425 đồng, nợ lãi là 22.969.344 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.703.855 đồng tính đến ngày 14/11/2019. Ông V còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kể từ ngày 15/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

*** Theo Bản tự khai và Biên bản hòa giải, Bị đơn – ông V trình bày:**

Thông nhất với điều kiện, thời gian và số tiền vay cũng như số tiền còn nợ mà đại diện Ngân hàng trình bày. Ông V xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền 102.533.084 đồng (Một trăm lẻ hai triệu năm trăm ba mươi ba ngàn không trăm tám

mười bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 77.674.425 đồng, nợ lãi là 22.309.112 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.549.547 đồng tính đến ngày 28/10/2019. Tuy nhiên, hiện nay do làm ăn thua lỗ, bản thân ông V đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng nên ông V chưa có khả năng thanh toán cho Ngân hàng. Đối với số nợ trên, ông V hẹn Ngân hàng trong thời gian 1 năm sẽ thanh toán hết khoản nợ.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền là 103.347.624 đồng (bằng chữ: Một trăm lẻ ba triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 77.674.425 đồng, nợ lãi là 22.969.344 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.703.855 đồng tính đến ngày 14/11/2019 và lãi phát sinh từ ngày 15/11/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ và phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông V đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông V đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 20/11/2015, ông V ký kết Hợp đồng cho vay số 20.11/2015/HĐCV - TDT để vay số tiền 118.000.000 đồng, mục đích vay: sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 17%/ năm và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Đến ngày 23/11/2015, Ngân hàng TMCP N- chi nhánh N đã giải ngân cho ông V số tiền 118.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 20.11/2015/CVCN ngày 20/11/2015.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông V đã trả được số tiền 79.444.200 đồng, trong đó nợ gốc 40.325.575 đồng, nợ lãi 39.073.389 đồng và nợ lãi quá hạn 45.236 đồng. Từ ngày 23/11/2018, ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V trả một lần toàn bộ số nợ 103.347.624 đồng (Một trăm lẻ ba triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 77.674.425 đồng, nợ lãi là 22.969.344 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.703.855 đồng tính

đến ngày 14/11/2019 và lãi được tiếp tục tính từ ngày 15/11/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với Bị đơn – ông V xác nhận tất cả các nội dung như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về điều kiện, thời gian, số tiền vay và số tiền còn nợ nhưng ông V xin hẹn thanh toán khoản nợ trong vòng 01 năm.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N thì thấy: " Hợp đồng cho vay số 20.11/2015/HĐCV - TDT " ngày 20/11/2015 và " Khế ước nhận nợ số 20.11/2015/CVCN " ngày 20/11/2015 thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận về việc Ngân hàng TMCP N cho ông V vay số tiền 118.000.000 đồng. Đây là Hợp đồng tín dụng, có nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên khi ông V vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện.

[4] Ông V cũng xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền **102.533.084 đồng** (Một trăm lẻ hai triệu năm trăm ba mươi ba ngàn không trăm tám mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 77.674.425 đồng, nợ lãi là 22.309.112 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.549.547 đồng tính đến ngày 28/10/2019. Việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần lãi như trên là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; cần buộc ông V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với số tiền còn nợ như trên cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 471, khoản 1, khoản 5 Điều 474, 476 Bộ luật dân sự 2005 và các Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng 2010.

[5] Về yêu cầu xin được trả nợ trong vòng 01 năm của ông V không được phía Ngân hàng chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn – ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 103.347.624 đồng x 5% ~ 5.167.381 đồng.

[7] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 180, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 305, 401, 405, 471 và khoản 1, khoản 5 Điều 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP N đối với ông V.

Buộc ông V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền là **103.347.624 đồng** (bằng chữ: Một trăm lẻ ba triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 77.674.425 đồng, nợ lãi là 22.969.344 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.703.855 đồng tính đến ngày 14/11/2019.

Kể từ ngày 15-11-2019, nếu ông V không thực hiện nghĩa vụ của mình thì số tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến ngày thanh toán hết mọi khoản nợ với mức lãi suất theo " Hợp đồng cho vay số 20.11/2015/HĐCV - TDT " và " Khế ước nhận nợ số 20.11/2015/CVCN " cùng ngày 20/11/2015 của ông V ký với Ngân hàng TMCP N.

2. Án phí và chi phí tố tụng khác:

Án phí Dân sự sơ thẩm: 5.167.381 đồng (Năm triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm tám mươi một đồng), ông V phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí 2.293.405đ (Hai triệu hai trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm lẻ năm đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0005124 ngày 12-9-2019.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Hà